

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/HONECO/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

- Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo
- Địa chỉ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Điện thoại: 0211. 3871. 369
- Mã số doanh nghiệp: 2500214564

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mật ong gừng

2. Thành phần:

- Mật ong: 83%
- Gừng tươi: 17%

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 03 năm kể từ ngày sản xuất (Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên nắp hoặc trên nhãn sản phẩm.)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hũ thủy tinh, hũ nhựa hoặc túi màng nhôm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói: 15g, 20g, 28g, 30g, 45g, 100g, 120g, 250g, 500g, 600g, 850g, 1000g...hoặc các bao bì khác theo yêu cầu khách hàng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- Sử dụng thùng carton để đựng sản phẩm và vận chuyển

III. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn :
- + QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Arsen (As)	ppm	≤ 1
2	Thủy ngân (Hg)	ppm	≤ 0,05
3	Chì (Pb)	ppm	≤ 2
4	Cadimi (Cd)	ppm	≤ 1

+ Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	TSVKHK	CFU/g	≤ 15.000
2	E.Coli	CFU/g	0
3	Vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S	CFU/g	0
4	Salmonella	CFU/25g	0
5	S.aureus	CFU/g	0
6	Nấm mốc	CFU/g	0
7	Nấm men	CFU/g	≤ 1000

Giá trị dinh dưỡng	
1 gói 1 khẩu phần	
Cỡ khẩu phần 15g	
Số lượng theo khẩu phần	
Calories: 47	
	% Giá trị hàng ngày
Chất béo tổng 0g	0%
Chất béo bão hòa 0g	0%
Chất béo chuyển hóa 0g	0%
Cholesterol 0mg	0%
Muối 1,7mg	0%
Tổng carbohydrate 11,7g	4%
Chất xơ 0g	0%
Đường tổng 10,5g	
Bao gồm 0,4g đường bổ sung	1%
Protein 0,1g	

0021
CÔNG
CỔ PH
ON
FAM
UYÊN

Vitamin D 0mcg	0%
Canxi 2,9mg	0%
Sắt 0,1mg	0%
Kali 12,8 mg	0%
Giá trị dinh dưỡng hàng ngày cho biết dinh dưỡng trong khẩu phần ăn đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày 2000 calo theo lời khuyên dinh dưỡng.	

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga



Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến:



MẬT ONG GỪNG

1. Thành phần:

- Mật ong: 83%
- Gừng tươi: 17%

2. Hướng dẫn sử dụng:

- Dạng hũ: Ngày dùng 1 – 2 lần, mỗi lần pha 2 thìa cà phê mật ong gừng với 120ml nước ấm hoặc điều chỉnh lượng nước theo sở thích
- Dạng gói 15g: Ngày dùng 1-2 lần, mỗi lần pha lượng sản phẩm trong gói với 120ml nước ấm, khuấy đều và thưởng thức. Có thể tùy chỉnh lượng nước theo sở thích
- Ăn trực tiếp hoặc pha với trà, nước giải khát,...

3. Cảnh báo:

- Sản phẩm có thể kết tinh khi thay đổi nhiệt độ, không làm ảnh hưởng hay giảm chất lượng sản phẩm.
- Ngâm sản phẩm vào nước nóng 60°C cho tan ra và sử dụng bình thường.

4. Hướng dẫn bảo quản:

- Đậy kín, để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

5. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất

6. Số công bố: 20/HONECO/2023

7. Sản xuất tại nhà máy:

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO

Địa chỉ : Hương Lộ, Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc



Số: 36688/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: **MẬT ONG GỪNG**
 2. Mã số mẫu: **09239542/DV.1**
 3. Mô tả mẫu: **Mẫu đựng trong hộp nhựa, thông tin mẫu dán trên hộp, 500 g/hộp.
 Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có**
 4. Số lượng mẫu: **01 mẫu**
 5. Thời gian lưu mẫu: **Không có mẫu lưu**
 6. Ngày nhận mẫu: **26/09/2023**
 7. Thời gian thử nghiệm: **26/09/2023 - 11/10/2023**
 8. Nơi gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO
 Địa chỉ: TDP Hưởng Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên
 Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam**
 9. Kết quả thử nghiệm: **Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Định lượng nấm men	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1)
9.2*	Định lượng nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1)
9.3*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1)
9.4*	<i>S. aureus</i>	CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH (LOD: 10)
9.5*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH (eLOD ₅₀ : 1)
9.6*	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	8,0 x 10 ¹
9.7*	Vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S	CFU/g	TCVN 7902:2008	KPH (LOD: 1)
9.8*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,007)
9.9*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)
9.10*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,027
9.11*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÓNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **23-11-2023**

Số chứng thực: **1323**.....Quyển số: **01**.....SCT/BS.

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Trung

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023
KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
 2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
 3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
 4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



Số/No.: 40220/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu
Name of sample: **MẬT ONG GỪNG**
GINGER HONEY
2. Mã số mẫu/Sample code: **102310683/DV.2**
3. Mô tả mẫu
Sample description: **Nguyên hộp, 225 g/hộp (15 packs x 15 g/pack).**
Số lượng: 2. NSX: 290823 - HSD: 290826.
Intact box, 225 g/box (15 packs x 15 g/pack)
Quantity: 2. MFG: 290823 - EXP: 290826.
4. Số lượng mẫu
Number of sample: **01 mẫu**
01 sample
5. Thời gian lưu mẫu
Sample storage time: **Không có mẫu lưu**
No storage sample
6. Ngày nhận mẫu
Sample received date: **26/10/2023**
7. Thời gian thử nghiệm
Testing time: **26/10/2023 - 06/11/2023**
8. Nơi gửi mẫu
Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐÀO**
Địa chỉ: TDP Hường Lộc, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
TAM DAO BEE JOINT STOCK COMPANY
Address: Huong Loc Residential Group, Dao Duc Town,
Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Viet Nam
9. Kết quả thử nghiệm
Test result(s) **Các chỉ tiêu Hóa lý**
Physicochemical tests



STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.1*	Hàm lượng Calci Calcium content	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	19,6
9.2*	Hàm lượng Kali Potassium content	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	85,2
9.3*	Hàm lượng Natri Sodium content	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	11,2
9.4*	Hàm lượng Sắt Iron content	mg/100g	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	0,57
9.5*	Hàm lượng Chất béo bão hòa, dạng toàn phần Total Saturated Fat content (C4:0, C6:0, C8:0, C10:0, C11:0, C12:0, C13:0, C14:0, C15:0, C16:0, C17:0, C18:0, C20:0, C21:0, C22:0, C23:0, C24:0)	mg/100g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	KPH/ND (LOD: 1,5)
9.6*	Hàm lượng Cholesterol Cholesterol content	mg/kg	NIFC.04.M.099 (GC-MS)	KPH/ND (LOD: 1,5)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đồng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Result
9.7*	Hàm lượng Trans Fat, dạng toàn phần Total Trans Fat content (C18:1n9t, C18:2n6t)	mg/100g	NIFC.04.M.107 (GC-FID)	KPH/ND (LOD: 1,5)
9.8	Hàm lượng Gingerols Gingerols content (Zingerone, 6-Gingerol, 8-Gingerol, 6-Shogaol, 10-Gingerol, 8-Shogaol, 10-Shogaol)	mg/100g	NIFC.05.M.234 (HPLC)	10,5
9.9*	Hàm lượng Carbohydrat Carbohydrate content	g/100g	NIFC.02.M.06	77,9
9.10*	Hàm lượng Chất béo Fat content	g/100g	NIFC.02.M.04	< LOQ (LOQ: 0,03)
9.11*	Hàm lượng chất xơ tổng Total Fiber content	g/100g	TCVN 9050 - 2012	KPH/ND (LOD: 0,01)
9.12*	Hàm lượng Đường tổng Total Sugar content	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	70,0
9.13*	Hàm lượng Protein Protein content	g/100g	NIFC.02.M.03	0,62
9.14*	Hàm lượng Saccarose Sucrose content	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC)	2,65
9.15*	Hàm lượng Vitamin D Vitamin D content (Cholecalciferol)	µg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	KPH/ND (LOD: 0,1)
9.16*	Năng lượng Energy	kcal/100g	NIFC.02.M.06	314

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Note: LOQ: Limit of quantification of the method

ND - Not detected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 23-11-2023

Số chứng thực...1324...Quyển số...01...SCT/BS.



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Trung

Hà Nội, 06/11/2023
KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PP. DIRECTOR GENERAL
DEPUTY DIRECTOR



TS. Trần Cao Sơn
Tran Cao Son, PhD.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ONG TAM ĐẢO

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:15/2025/CV-HONECO

Phú Thọ, Ngày 21 tháng 07 năm 2025

V/v cập nhật thông tin hồ sơ tự
công bố sản phẩm

**Kính gửi: CHI CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ
TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ**

Công ty cổ phần Ong Tam Đảo xin trân trọng gửi lời chào và kính trình Quý cơ
quan nội dung cập nhật như sau:

Căn cứ theo **Điều 5, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP** ngày 02 tháng 02 năm 2018
của chính phủ về việc tự công bố sản phẩm, công ty chúng tôi đã thực hiện tự công bố
sản phẩm.

I. Thông tin về sản phẩm

- **Tên sản phẩm:** Mật Ong Gừng
- **Số tự công bố:** 20/HONECO/2023
- **Ngày tự công bố:** 07/11/2023

Nay công ty xin cập nhật một số nội dung trong hồ sơ tự công bố như sau:

1. Cập nhật địa chỉ doanh nghiệp:

- Địa chỉ trên bản tự công bố sản phẩm cũ: Tổ dân phố Hương Lộc, Thị trấn Đạo
Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

- Địa chỉ hiện nay sau khi sát nhập theo địa giới hành chính: Tổ dân phố Hương
Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

(Lưu ý: địa điểm sản xuất thực tế không thay đổi, chỉ cập nhật theo Quy định
Nhà nước).

2. Bổ sung thông tin trên nhãn sản phẩm như sau:

“Sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế”

Sản phẩm được cấp giấy chứng nhận OCOP 4 sao năm 2024 theo quyết định số
32/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Bổ sung quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Hũ thủy tinh, hũ nhựa hoặc màng ghép CPP, màng ghép PE
đảm bảo theo:



Túi: 10g, 15g, 20g, 25g, 30g, 50g...

Hũ: 100g, 250g, 300g, 400g, 500g, 600g, 700g, 860g, 1000g, 2000g,....25kg, 27kg.

II. Mẫu nhãn sản phẩm

- Nhãn dự kiến: Nội dung đính kèm hồ sơ.

Công ty cam kết rằng việc cập nhật trên **không làm thay đổi bản chất, thành phần, quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm đã công bố trước đó.**

Kính đề nghị Quý cơ quan tiếp nhận và lưu hồ sơ cập nhật theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như kính gửi;

-Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG TAM ĐẢO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Nga

Nội dung ghi nhãn:

MẬT ONG GỪNG

1. Thành phần:

Thành phần trong 100g:

- Mật ong: 83%
- Gừng tươi: 17%

2. Hướng dẫn sử dụng:

- Pha 1 gói (15 g) với 120 ml nước ấm 40°C hoặc điều chỉnh lượng nước theo sở thích
- Có thể ăn trực tiếp, phết lên bánh mì, pha trà hoặc chế biến món ăn.

3. Cảnh báo:

- Sản phẩm có thể kết tinh khi thay đổi nhiệt độ, không làm ảnh hưởng hay giảm chất lượng sản phẩm.
- Ngâm sản phẩm vào nước nóng 60°C cho tan ra và sử dụng bình thường.

4. Bảo quản:

- Đậy kín, để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Khối lượng tịnh:

6. Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm được cấp giấy chứng nhận OCOP 4 sao năm 2024 theo quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Sản xuất và đóng gói tại nhà máy: **Công ty Cổ phần Ong Tam Đảo đạt chuẩn GMP và FSSC 22000 quốc tế.**

Địa chỉ: Tổ dân phố Hường Lộc, Xã Xuân Lãng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: (84)2113.871369 – 0968.969699

Email: ongtamdao@honeco.com

Website: www.honeco.com

8. Số công bố: 20/HONECO/2023

9. Xuất xứ: Việt Nam

10. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 gam

Năng lượng	314 kcal
Chất đạm	0,62 g
Carbonhydrat	77,9 g
Chất béo	0 g
Hàm lượng Natri	11,2 mg

